



Muờng Tè, ngày tháng 5 năm 2023

## BÁO CÁO

**Sơ kết thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/HU, ngày 15/9/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về phát triển một số sản phẩm nông lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa giai đoạn 2020-2025**

Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/HU, ngày 15/9/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về phát triển một số sản phẩm nông lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa giai đoạn 2020-2025.

Thực hiện quy chế làm việc của BCH Đảng bộ huyện khóa XX, nhiệm kỳ 2020-2025 và chương trình công tác năm 2023.

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện báo cáo sơ kết việc thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/HU, cụ thể như sau:

### Phần thứ nhất

## ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

### I- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

#### 1. Tình hình chung

Muờng Tè là huyện miền núi, biên giới, có tổng diện tích tự nhiên là 267.848,05ha; đường biên giới dài 130,292 km tiếp giáp với 3 huyện của tỉnh Vân Nam, Trung Quốc; huyện có 14 xã, thị trấn với tổng dân số 48.252 người; huyện có 10 dân tộc anh em cùng chung sống.

Đảng bộ huyện có 50 chi, đảng bộ trực thuộc, trong đó: Khối nông thôn 14 đảng bộ, khối cơ quan có 03 đảng bộ và 33 chi bộ với 190 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở (trong đó 110 chi bộ bản, 36 chi bộ trường học, 14 chi bộ công an xã, 14 chi bộ trạm y tế; 08 chi bộ trực thuộc Đảng ủy Công an huyện; 03 chi bộ thuộc Đảng ủy Quân sự huyện; 05 Chi bộ thuộc Đảng ủy Y tế); 100% bản, trường học, trạm y tế có tổ chức đảng. Tổng số đảng viên 3.899 đồng chí.

#### 2. Thuận lợi

Đảng bộ huyện luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh trong việc phát triển sản xuất hàng hóa tập trung. Tỉnh và trung ương có nhiều chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 trong đó tập trung phát

triển sản xuất hàng hóa tập trung đó là một lợi thế cho việc triển khai thực hiện các mục tiêu Nghị quyết 02-NQ/HU, ngày 15/9/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện. Các nội dung mục tiêu của Nghị quyết đề ra nhận được sự đồng thuận cao hưởng ứng của các cấp chính quyền và người dân trong việc triển khai tổ chức thực hiện.

### **3. Khó khăn:**

Huyện có địa bàn rộng, tỷ lệ hộ nghèo còn cao; thời tiết, khí hậu diễn biến thất thường, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn ra rất phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, địa hình chia cắt nhiều núi cao, suối sâu đó là điều kiện bất lợi cho việc phát triển một số hàng hóa tập trung và thu hút được các doanh nghiệp, hợp tác xã vào tham gia đầu tư trên địa bàn huyện. Song với quyết tâm cao, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, Nhân dân trên địa bàn huyện đã đạt được kết quả, một số chỉ tiêu đã hoàn thành và vượt so với nghị quyết đề ra.

## **II- CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO**

### **1. Kết quả học tập, quán triệt, triển khai, thực hiện Nghị quyết**

Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng, ban hành Kế hoạch số 12-KH/HU, ngày 02/10/2020 về “Tổ chức quán triệt, học tập nghị quyết, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và các nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XX. Chỉ đạo tổ chức Hội nghị chủ chốt cấp huyện, thành phần tham gia với 98/106 đồng chí, đạt 92,4% so với dự kiến triệu tập. Đồng thời, đã chỉ đạo các chi, đảng bộ trực thuộc tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 03-NQ/HU đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân; kết quả 100% các chi, đảng bộ đã hoàn thành việc tổ chức triển khai quán triệt, học tập theo kế hoạch với tổng số 4.502 lượt người tham gia học tập (*trong đó: Tổng số đảng viên tham gia học tập là 3.646/3.753 đồng chí, đạt 97.3%; cán bộ, công chức chưa phải là đảng viên tham gia học tập là 856/891 đồng chí đạt 96%; quần chúng Nhân dân, đoàn viên, hội viên là 12.783 lượt người*).

Chỉ đạo UBND huyện tổ chức Hội nghị phổ biến, triển khai để các Doanh nghiệp, HTX, Tổ hợp tác, nhóm hộ và hộ nông dân trên địa bàn huyện nắm được, triển khai thực hiện.

### **2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa và triển khai thực hiện**

Sau khi Nghị quyết được ban hành, Huyện ủy xây dựng Kế hoạch số 68-KH/HU, ngày 2/7/2021 của Huyện ủy Mường Tè về thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU, ngày 22/02/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về



phát triển nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030. Cấp huyện, xã đã thành lập ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết; UBND huyện xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết. Hằng năm, căn cứ vào điều kiện thực tế, Chỉ đạo UBND huyện giao chỉ tiêu phát triển nông nghiệp hàng hóa cho các xã, thị trấn và kinh phí để tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, thông qua chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung nhằm cụ thể hóa chủ trương, chính sách của HĐND, UBND tỉnh.

### 3. Công tác kiểm tra, giám sát

Lãnh đạo, chỉ đạo HĐND huyện giám sát thực hiện Nghị quyết, xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức giám sát việc thực Nghị quyết. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp thường xuyên theo dõi, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện. Hằng năm, UBND huyện, các cơ quan chuyên môn đều tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU tại các xã, thị trấn. Qua công tác kiểm tra đã đánh giá được những kết quả đạt được, chỉ ra những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và hướng khắc phục trong thời gian tới.

## II- KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA NGHỊ QUYẾT

### 1. Kết quả thực hiện mục tiêu

(1) Cây rau củ, quả: Khoai sọ trồng đạt 55/100 ha, đạt 55% Nghị quyết, tại các xã Nậm Khao, Can Hồ, Bum Tở; Ớt trung đoàn 50/50 ha, đạt 100% Nghị quyết, tại các xã Ka Lăng, Thu Lũm...

(2) Cây dược liệu: Sâm Lai Châu đạt 10,1/50,3 ha, đạt 20,1% Nghị quyết (*bao gồm cả doanh nghiệp và hộ gia đình*); Cây bầy lá một hoa đạt 5,0/0,5ha, đạt 100% Nghị quyết. Tiếp tục duy trì, chăm sóc bảo vệ cây sa nhân tím 1.517 ha, thảo quả 2.100 ha.

(3) Cây Quế: Trồng mới đạt 1.527,6/1.000 ha, đạt 152,7% Nghị quyết; lũy kế diện tích trồng quế đạt 2.201,2/1.900 ha, đạt 106,4% Nghị quyết. Có 01 doanh nghiệp, 01 HTX đầu tư sơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm quế.

(4) Cây ăn quả các loại: Diện tích đạt 236/300 ha, đạt 79% Nghị quyết.

(5) Chăn nuôi: Phát triển mới 5/2 cơ sở chăn nuôi, nâng tổng số cơ sở chăn nuôi đạt 7 cơ sở đạt 150% Nghị quyết (*lũy kế 02 cơ sở chăn nuôi*); Về chăn nuôi gia cầm năm 2021 có 03/05 gia trại, đạt 60% Nghị quyết, tuy nhiên do dịch Covid 19 giá thức ăn chăn nuôi tăng cao, hiện không còn hoạt động; phát triển mới đàn ong đạt 212/200 thùng, đạt 106% Nghị quyết.



*(Chi tiết theo biểu kèm theo)*

## **2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp**

### *2.1. Phát triển sản xuất các sản phẩm hàng hóa*

Thực hiện có hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã tổ chức vận động người dân chuyển đổi đất hoang hóa, đất canh tác kém hiệu quả chủ yếu là đất lúa nương sang các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao hơn (cây quế) trong 2 năm đã chuyển đổi 289,1 ha. Tập trung vào phát triển một số sản phẩm có lợi thế của địa phương như Sâm Lai Châu, thất điệp nhất chi hoa, ớt trung đoàn, khoai sọ, mật ong, bảo tồn và phát triển chè cỏ thụ...

### *2.2. Về quy hoạch và phát triển vùng sản xuất tập trung*

Chỉ đạo phối hợp với các cơ quan chuyên môn của tỉnh, Viện được liệu khảo sát quy hoạch bản đồ vùng trồng Sâm và một số dược liệu quý, quy hoạch vùng trồng lúa hàng hóa tập trung, định hướng vùng trồng một số cây trồng có giá trị kinh tế cao cho các xã trên địa bàn huyện. Trong hơn 2 năm qua đã tập trung các nguồn lực hỗ trợ của nhà nước và các nguồn xã hội hóa của các tổ chức, cá nhân đã đầu tư phát triển hạ tầng vùng sản xuất, đầu tư mở mới 24 km giao thông nội đồng; 02 đập đầu mối, 4,6 km kênh mương, cho 82 ha lúa 02 vụ phục vụ phát triển nông nghiệp hàng hóa, 03 km đường giao thông vùng trồng quế, Mắc ca....

### *2.3. Về sản phẩm và xây dựng nhãn hiệu, xúc tiến thương mại*

- Toàn huyện có 8 sản phẩm OCOP đạt 03 sao cấp tỉnh (Mật ong, chè dây, thịt trâu, Ớt trung đoàn, thảo quả, Khoai sọ, cá trắm sáy, rượu Pusilung), đã được Tổng cục đo lường chất lượng cấp mã số mã vạch.

- Về thực hiện quảng bá, giới thiệu, xúc tiến thương mại và kết nối tiêu thụ: Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Đã thực hiện kết nối, hướng dẫn các chủ thể, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh trung bày quảng bá, giới thiệu 9 lượt sản phẩm nông sản, sản phẩm OCOP của huyện tại các hội nghị kết nối giao thương, hội chợ do tỉnh, tổ chức<sup>(1)</sup>.

### *2.4. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với việc thực hiện Nghị quyết*

---

<sup>(1)</sup> Hội chợ xúc tiến thương mại tại Quảng Ninh; “Tuần hàng giới thiệu và quảng bá sản phẩm nông sản của tỉnh Lai Châu tại thành phố Hà Nội”; Tuần Du lịch Văn hoá Lai Châu; Ngày Hội Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Việt Nam (Techfest Việt Nam tại tỉnh); Hội chợ Sâm Lai Châu; Hội chợ trung bày giới thiệu sản phẩm OCOP; Ngày Hội văn hoá, thể thao các dân tộc huyện Than Uyên;... Kết nối giữa chủ thể và Hợp tác xã OCOP Lai Châu với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng khai thác Chợ Long Biên, thành phố Hà Nội và Tập Đoàn đại Nam Sơn để kết nối các sản phẩm nông sản, OCOP của các chủ thể đến người tiêu dùng tại thị trường trong và ngoài tỉnh.



- Các cấp ủy đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết, tạo sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hiệu quả sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội đã lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp trong triển khai thực hiện nghị quyết. Hằng năm, tổ chức quán triệt, tuyên truyền về sự cần thiết và hiệu quả của phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung tạo đồng thuận giữa cấp ủy, chính quyền và Nhân dân. Tích cực triển khai thực hiện các phong trào thi đua gắn với các cuộc vận động của MTTQ và các đoàn thể, quần chúng; quan tâm nắm tình hình thực tế trong quá trình triển khai, thực hiện Nghị quyết.

- Các đồng chí Ủy viên ban chấp hành được phân công theo dõi các đảng bộ xã, thị trấn thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, nắm chắc tình hình cơ sở, chủ động phối hợp, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Qua đó đã đề xuất, kiến nghị tháo gỡ nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết.

### III- ĐÁNH GIÁ CHUNG

#### 1. Kết quả đạt được

- Các cấp ủy, cơ quan, mặt trận tổ quốc đã kịp thời cụ thể hóa, tập trung tuyên truyền, vận động người dân tích cực tham gia thực hiện. Nghị quyết đã dần đi vào cuộc sống, phát huy hiệu quả, góp phần thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển nông nghiệp mà Nghị quyết Đảng bộ huyện đề ra.

- Các chỉ tiêu thực hiện đạt và vượt: Diện tích quế đến thời điểm hiện tại đạt 1.527,6 ha, vượt 527 ha; cây bảy lá một hoa đạt 5,0 ha, vượt 4,5 ha; Ớt trung đoàn đạt 100%; Phát triển 5 cơ sở chăn nuôi gia súc, vượt 3 cơ sở; Phát triển mới đàn ong đạt 212 thùng, vượt 12 thùng.

- Các chỉ tiêu thực hiện đạt trên 50% chỉ tiêu nghị quyết: Khoai sọ đạt 55%; Cây ăn quả đạt 79%.

- Các chỉ tiêu chưa đạt Sâm Lai Châu đạt 20,1% nghị quyết; chăn nuôi gia cầm đạt 60% Nghị quyết; Cây ăn quả đạt 79% nghị quyết.

- Nghị quyết được triển khai đã góp phần thay đổi tư duy sản xuất của người dân, chuyển từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa tập trung, gắn với liên kết, tiêu thụ sản phẩm. Nâng cao giá trị và thu nhập cho người nông dân. Đã dần hình thành các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn như vùng quế, cây dược liệu...Chuyển dần tư duy sản xuất nông nghiệp thuần túy sang tư duy sản xuất hàng hóa, kinh tế nông nghiệp.

## **2. Hạn chế, khuyết điểm**

- Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện ở một số xã còn thiếu tập trung, thực hiện chưa thường xuyên, thiếu chủ động trong triển khai, thực hiện. Tuyên truyền chưa sâu rộng trong Nhân dân, năng lực của một số cán bộ các xã còn hạn chế nên khó khăn trong việc triển khai thực hiện.

- Một số xã có điều kiện tự nhiên phù hợp với các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao nhưng các hộ gia đình chưa mạnh dạn đăng ký tham gia thực hiện với quy mô lớn để tạo thành vùng hàng hóa.

- Địa bàn huyện là vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn nên việc đầu tư của các doanh nghiệp, hợp tác xã vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện còn nhiều hạn chế.

- Việc áp dụng cơ chế chính sách vào thực hiện còn gặp khó khăn do một số quy định hướng dẫn còn bó buộc gây khó khăn trong quá trình thực hiện ví dụ như hỗ trợ chuồng trại sau đầu thì dựa trên khối lượng đã thực hiện đo đến nếu đảm bảo là hỗ trợ. Tuy nhiên hướng dẫn yêu cầu các thủ tục hóa đơn đo thì giá thành xây dựng sẽ tăng lên làm ảnh hưởng đến việc thực hiện của người dân.

## **3. Nguyên nhân hạn chế, khuyết điểm**

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, ban ngành, đoàn thể một số cơ sở, trong công tác tuyên truyền vận động có mặt còn hạn chế, thiếu quyết liệt, vẫn y lại sự chỉ đạo của cấp trên, dẫn đến người dân một số nơi chưa hiểu hết chính sách, nên một số nội dung triển khai còn đạt kết quả thấp.

- Công tác kiểm tra, rà soát, đánh giá tiềm năng, lợi thế của một số xã chưa sát với thực tế, dẫn đến việc đăng ký một số chỉ tiêu phát triển nông nghiệp hàng hóa không đáp ứng nhu cầu của người dân. Nên một số chỉ tiêu đã thực hiện đạt hoặc gần đạt, chỉ sau 02 năm triển khai thực hiện Nghị quyết, trong khi vẫn còn nhiều tiềm năng và nhu cầu để phát triển.

- Việc tích tụ đất đai còn gặp nhiều khó khăn, tập quán canh tác của người dân một số nơi còn chậm thay đổi, vẫn còn tư duy sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, chưa mạnh dạn đầu tư, sợ rủi ro... ảnh hưởng đến việc thu hút các doanh nghiệp, HTX vào đầu tư, liên kết sản xuất với người dân.

- Người dân một số nơi vẫn còn tư tưởng chông chờ, y lại, nên chưa mạnh dạn đăng ký thực hiện những nội dung yêu cầu có đối ứng. Bên cạnh đó, một số nội dung cần nhu cầu nguồn vốn lớn, cả kinh phí hỗ trợ của Nhà nước và vốn đối ứng của nhân dân. Trong khi điều kiện kinh tế của người dân một số nơi còn hạn chế, nên một số chỉ tiêu thực hiện còn đạt thấp.



## IV- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

### 1. Nhiệm vụ

Tiếp tục quán triệt nhận thức, sâu sắc mục tiêu, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện Nghị quyết 02-NQ/HU của BCH Đảng bộ huyện; nâng cao nhận thức về sự cần thiết, tất yếu của thực hiện phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung đến các cấp, ngành và nông dân.

Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả; khuyến khích và tạo thuận lợi phát triển doanh nghiệp nông nghiệp; đẩy mạnh đổi mới và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, kết nối với hệ thống tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài tỉnh.

Ưu tiên nguồn ngân sách địa phương, lồng ghép nguồn vốn 3 các chương trình Mục tiêu Quốc gia để bố trí đủ nguồn lực thực hiện các mục tiêu Nghị quyết theo hướng tập trung, tránh dàn trải.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2025; Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các đề án, dự án phát triển sản xuất nông nghiệp đã được phê duyệt.

### 2. Giải pháp

#### 2.1. Công tác tuyên truyền vận động

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt cấp ủy đảng, chính quyền, người đứng đầu cấp ủy chính quyền và người dân về sự cần thiết, các chính sách hỗ trợ và hiệu quả của phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung, nhằm tạo sự đồng thuận cao trong hệ thống chính trị và nhân dân. Tạo chuyển biến về nhận thức và hành động, thay đổi tư duy trong sản xuất nông nghiệp hàng hoá, chuyển từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, sản xuất theo tiêu chuẩn, dựa trên tiến bộ khoa học, kỹ thuật để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

#### 2.2. Giải pháp về chính sách

Thực hiện hiệu quả các chính sách đang hiện hành như: Nghị quyết 12/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh quy định chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 Quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021 - 2025...

### 2.3. Giải pháp về tổ chức sản xuất

- Tập trung đổi mới hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị; phát triển mạnh các mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng kinh tế giữa nông dân với doanh nghiệp, hợp tác xã. Phát huy vai trò của doanh nghiệp trong việc định hướng cho nông dân và hợp tác xã về quy mô, chất lượng, quy cách nông sản và thị trường tiêu thụ; hợp tác xã, tổ hợp tác là đầu mối đại diện của nông dân tham gia các liên kết với doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế hợp tác, trang trại và kinh tế hộ gia đình. Hỗ trợ, thúc đẩy hợp tác xã nông nghiệp mở rộng các ngành nghề dịch vụ gắn với chuỗi cung ứng sản phẩm hàng hóa. Thu hút các doanh nghiệp, HTX vào các vùng sản xuất hàng hóa, gắn với bao tiêu sản phẩm.

Nơi nhận:

- Các đ/c UVBCH Đảng bộ huyện,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc,
- Lưu: VTHU, Hồ sơ HN.

**T/M HUYỆN ỦY  
PHÓ BÍ THƯ**

**Trần Đức Hiên**



**Biểu: Kết quả sơ kết thực hiện Nghị quyết số: 02-NQ/HU, ngày 15/9/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XX**

**Về phát triển một số sản phẩm nông lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa giai đoạn 2020-2025**

(Kèm theo Báo cáo số: -BC/HU ngày /5/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Tè)

Stt	Danh mục hàng hóa	Đvt	Kế hoạch giao theo NQ	Kết quả thực hiện															
				Kết quả đã thực hiện	Tỷ lệ % so với NQ	Thị trấn	Xã Bum Nưa	Xã Vàng San	Xã Can Hồ	Xã Pa Vệ Sủ	Xã Bum Tở	Xã Tà Tổng	Xã Nậm Khao	Xã Mườn g Tè	Xã Pa Ủ	Xã Ka Lăng	Xã Tá Bạ	Xã Thu Lũm	Xã Mù Cá
1	Cây khoai sọ	Ha	50-100	55	55				15		20			20					
2	Ớt trung đoàn	Ha	40-50	50	100											30		20	
3	Sa nhân tím	Ha	1,500	1,517	101	27.0		125.6	174.6	185.0	92.6	125.0	52.0	76.0	116.5	124.0	88.0	178.8	151.9
4	Thảo quả	Ha	2,100	2,100	100					516.6					174.2	63.5	450.5	877.2	18
5	Sâm Lai Châu	Ha	50.3	10.1	20					6.858					0.035	0.01	2	1.202	
6	Bảy lá một hoa	Ha	0.5	5.0	1,000					4.6							0.2	0.2	
7	Quế	Ha	1,924.4	2,201.2	114	102.4	99.9	148.3	219.1	125.2	520.4	163.4	203.2	155.9	156.3	115.2		100.5	91.39
-	Diện tích trồng mới		1,000.0	1,527.6	153	50.61	48.08	96.49	167.2	73.37	468.6	111.6	151.4	104.1	104.5	63.41		48.7	39.57
8	Xoài	Ha	300	236	79	26.2	68.4	38.11			4.5	48	30.25	9.4	9.09		2		
9	Chăn nuôi lợn	Trang trại	4	7	175		2	2	2					1					
10	Chăn nuôi gia cầm	Gia trại	5	-	0														
11	Nuôi ong	Tổ	200	212	106	92									120				